

Số: /KH-UBND

Kiên Hải, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản năm 2026
trên địa bàn đặc khu Kiên Hải

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;
- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Thông tư số 39/VBHN-BNNMT ngày 11/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;
- Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

Kiên Hải là địa phương có thế mạnh kinh tế biển, phát triển mạnh nuôi cá lồng bè trên biển (cá bớp, cá mú, cá chim vây vàng...) và nuôi nhuyễn thể. Mật độ lồng bè tập trung cao tại một số khu vực, chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, biến động môi trường nước biển, dòng chảy, mật độ nuôi dày và hoạt động giao thương giống – thức ăn từ đất liền.

Hoạt động nuôi động vật thủy sản trên địa bàn đặc khu Kiên Hải chủ yếu là nuôi lồng bè với quy mô nhỏ, truyền thống, thức ăn làm mồi cho cá nuôi chủ yếu là cá tươi sống, mật độ lồng bè tại một số khu vực còn cao. Công tác giao khu vực biển chưa hoàn thành, gây khó khăn trong quản lý và hỗ trợ khi xảy ra dịch bệnh. Bên cạnh đó, hoạt động nuôi phân bố trên nhiều đảo, phụ thuộc điều kiện thời tiết biển; công tác giám sát môi trường, cảnh báo dịch bệnh còn nhiều hạn chế. Từ đó, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh trên diện rộng nếu không kiểm soát tốt nguồn giống, thức ăn, môi trường nước, mật độ nuôi và việc xử lý chất thải, xác thủy sản chết.

Xuất phát từ tình hình nêu trên, việc ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh là cần thiết nhằm gắn nhiệm vụ quản lý dịch bệnh với tổ chức sản xuất nuôi biển, quản lý không gian nuôi, từng bước chuẩn hóa hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật nhưng vẫn bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước và quyền lợi chính đáng của người nuôi.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, xử lý kịp thời dịch bệnh động vật thủy sản; hạn chế thấp nhất thiệt hại kinh tế, ổn định sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái biển, góp phần phát triển nuôi biển bền vững và từng bước thiết lập nền tảng quản lý vùng nuôi trong giai đoạn tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Có 100% tổ chức, hộ gia đình nuôi biển được tuyên truyền, phổ biến quy định phòng, chống dịch bệnh.

- Có 100% hộ nuôi, cụm nuôi được thống kê, lập danh sách quản lý và ký cam kết phòng chống, dịch bệnh.

- Có 100% tổ chức, hộ gia đình nuôi thực hiện khai báo khi có dấu hiệu dịch bệnh.

- Có 100% ổ dịch được phát hiện, kiểm tra, xử lý kịp thời, không để lây lan diện rộng.

- Tổ chức giám sát môi trường định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất (khi có thông tin bất lợi từ hộ nuôi) tại các vùng nuôi trọng điểm.

- Từng bước xây dựng vùng nuôi an toàn dịch bệnh theo quy định.

IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng quy định pháp luật về phòng, chống dịch bệnh thủy sản, trong đó trọng tâm là tuyên truyền trách nhiệm khai báo dịch bệnh theo Luật Thú y.

Tập huấn chuyên đề về nuôi biển an toàn sinh học; hướng dẫn nhận biết và kỹ thuật điều trị một số bệnh thường gặp trên cá nuôi biển.

Phát huy hệ thống truyền thanh, nhóm cộng đồng nghề cá để cảnh báo sớm diễn biến môi trường và dịch bệnh.

2. Công tác phòng ngừa dịch bệnh động vật thủy sản trong nuôi biển

2.1. Kiểm soát con giống

Khuyến nghị người nuôi lựa chọn cơ sở sản xuất con giống uy tín, có nguồn gốc và giấy chứng nhận kiểm dịch rõ ràng. Không thả nuôi giống không qua kiểm dịch hoặc vận chuyển trái phép.

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn người nuôi thực hiện khâu ương dưỡng, cách ly giống trước khi thả ra lồng nuôi thương phẩm.

2.2. Quản lý mật độ và bố trí lồng bè

Tập trung sắp xếp lại lồng bè phù hợp quy hoạch vùng nuôi tại các địa bàn.

Hướng dẫn người nuôi neo bè phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các bè, cụm bè trong từng hộ và giữa các hộ nuôi nhằm để dòng chảy lưu thông tốt và ngăn ngừa lây lan.

Ngăn chặn kịp thời việc mở rộng quy mô tự phát ngoài vùng quy hoạch.

2.3. Quản lý môi trường nước biển

Thực hiện quan trắc môi trường và lấy mẫu định kỳ 1 lần/tháng tại các vùng nuôi tập trung nhất là trong thời điểm giao mùa để thông báo công khai, kịp thời kết quả cho người nuôi.

Hướng dẫn người dân nuôi đúng khoảng cách, mật độ, thường xuyên vệ sinh lưới lồng, theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường nước và các chỉ tiêu cơ bản: màu nước, nhiệt độ, độ mặn, pH, oxy hòa tan hàng ngày. Nếu có dấu hiệu môi trường bất lợi, cần giảm mật độ, giãn lồng, di dời lồng ngay nếu xuất hiện hiện tượng thủy triều đỏ, tảo nở hoa.

Xây dựng nhóm Zalo/Viber để thiết lập cơ chế thông tin nhanh, cảnh báo dịch bệnh giữa người nuôi – chính quyền – cơ quan chuyên môn.

2.4. Kiểm soát nguồn thức ăn

Khuyến khích hộ nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp hoặc cá tạp tươi được bảo quản lạnh và có thể bổ sung tảo, vitamin C, men tiêu hóa nhằm tăng sức đề kháng cho cá nuôi; không thu mua cá tạp từ khu vực đang có dịch.

Hướng dẫn hộ nuôi ghi chép nhật ký thức ăn, khi nghi ngờ nguồn thức ăn gây bệnh phải ngưng sử dụng, kịp thời khai báo khi có dấu hiệu bất thường để phòng lây lan.

Đề xuất thiết lập kiểm soát chéo giữa các hộ nuôi trong cùng khu vực để nâng cao hiệu quả khâu phát hiện, khai báo sớm và xử lý kịp thời để tránh lây lan trên diện rộng.

2.5. Vệ sinh, xử lý chất thải

Khuyến nghị người nuôi thực hiện thu gom thức ăn dư sau 30 phút để hạn chế ô nhiễm đáy lồng, giảm nguy cơ phát sinh vi khuẩn gây bệnh; thu gom, xử lý xác thủy sản chết đúng quy định, tuyệt đối không vứt xuống biển.

Định kỳ vệ sinh lưới lồng, thay lưới bảo đảm lưu thông nước.

Hướng dẫn sử dụng chế phẩm sinh học cải thiện môi trường, hạn chế lạm dụng gây kháng thuốc, tồn lưu kháng sinh trên cá thương phẩm.

3. Công tác ứng phó, xử lý khi xảy ra dịch bệnh

Khi nhận thấy một trong các dấu hiệu: môi trường bất thường, cá chết (5% tổng đàn/ngày và kéo dài 2 ngày liên tiếp trở lên, xuất hiện bệnh lý rõ ràng: xuất huyết, lở loét, bỏ ăn, bơi lờ đờ; có dấu hiệu lan sang từ 02 hộ trở lên trong cùng cụm nuôi), ... thì hộ nuôi phải thông tin ngay cho chính quyền, cơ quan chuyên môn.

Nhanh chóng cử chuyên môn đến hộ nuôi/khu vực nghi ngờ hoặc hướng dẫn hộ nuôi thực hiện thu và cố định mẫu (trong trường hợp bộ phận chuyên môn không thể tiếp cận thực địa trong 24 giờ) làm cơ sở xác định chính xác nguyên nhân gây bệnh.

Khuyến cáo hộ nuôi thực hiện ngay một số biện pháp: ngừng hoặc giảm thức ăn, đảo nước liên tục khu vực nuôi, vệ sinh lồng, cách ly lồng cá có biểu hiện bệnh hoặc di dời bè khỏi khu vực có nguồn nước xấu, tiêu hủy, khử trùng theo đúng quy trình kỹ thuật, ...

Kịp thời xác nhận thiệt hại làm cơ sở kiến nghị cấp trên, đồng thời thông báo công khai thông tin dịch trong phạm vi cụm nuôi.

Cập nhật dữ liệu mẫu bệnh, đặc điểm nguồn nước để xây dựng cơ sở dữ liệu dịch tễ địa phương, hỗ trợ dự báo, cảnh báo sớm và xây dựng biện pháp phòng bệnh bền vững cho các vụ nuôi tiếp theo.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Tăng cường công tác kiểm tra hộ nuôi biển nhằm phát hiện sớm, kịp thời và xử lý nghiêm hành vi giấu dịch, xả thải gây ô nhiễm môi trường biển theo quy định hiện hành.

Công khai kết quả các hộ nuôi vi phạm trên hệ thống truyền thanh đặc khu để nâng cao tính răn đe.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp; Nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nuôi; Nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ: tuyên truyền, tập huấn; dụng cụ quan trắc môi trường; vật tư tiêu độc khử trùng; lấy mẫu xét nghiệm; kiểm tra, giám sát và xử lý ổ dịch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

Tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu triển khai kế hoạch trên địa bàn đặc khu đảm bảo hiệu quả, hài hòa giữa nhiệm vụ quản lý nhà nước và lợi ích chính đáng của người nuôi.

Chủ trì, phối hợp tổ chức tuyên truyền, tập huấn chuyên môn và thực hiện ký cam kết đối với từng hộ nuôi.

Giám sát, quản lý chặt chẽ vùng nuôi; kịp thời xử lý chuyên môn và báo cáo khi có dịch bệnh phát sinh.

Phối hợp cơ quan chuyên môn tỉnh trong giám sát, xét nghiệm.

Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và đột xuất khi có dịch bệnh xảy ra.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đặc khu

Mở chuyên mục để tăng cường hình thức, hiệu quả công tác tuyên truyền các nội dung liên quan đến tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn đặc khu.

Phối hợp với cơ quan chuyên môn đặc khu cập nhật tình hình liên tục và thông tin kịp thời đến người nuôi trồng thủy sản trong thời điểm có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn đặc khu.

Phân công Tổ chuyên môn phối hợp với Phòng Kinh tế đặc khu và các cơ quan có liên quan hướng dẫn kỹ thuật, xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

3. Các tổ địa bàn và Ban Nhân dân ấp

Triển khai nội dung Kế hoạch này đến các hộ nuôi trồng thủy sản nói riêng và Nhân dân trên địa bàn nói chung nhằm góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về dịch bệnh và những quy định cần biết trong nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức rà soát, quản lý danh sách hộ nuôi, số lượng lồng bè, số lượng cá nuôi tại hộ.

Nắm bắt chặt chẽ, thường xuyên tình hình nuôi trồng thủy sản, thông tin kịp thời dịch bệnh cho cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân đặc khu để chỉ đạo, xử lý kịp thời.

Chủ động giám sát cộng đồng, không để xảy ra tình trạng giấu dịch.

Khi có dịch bệnh phát sinh, tổ chức giám sát và báo cáo hàng ngày diễn biến dịch bệnh tại địa bàn quản lý.

Lập danh sách cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch để đề nghị Ủy ban nhân dân đặc khu biểu dương, khen thưởng kịp thời (nếu có).

4. Các cơ quan liên quan

Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm; hỗ trợ chuyên môn khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn đặc khu nhằm hạn chế tối đa việc lây lan nguồn bệnh và thiệt hại cho người nuôi.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặc khu, các tổ chức đoàn thể đặc khu

Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân thực hiện tốt việc ký cam kết, khai báo kịp thời khi có những dấu hiệu bất thường trong nuôi trồng thủy sản để xử lý dứt điểm, tránh để dịch bùng phát trên diện rộng.

Vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân thể hiện tốt vai trò giám sát, cung cấp thông tin về tình hình dịch bệnh trong cộng đồng.

6. Hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi biển

Tổ chức sản xuất, quản lý theo quy trình nuôi an toàn sinh học, hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan chuyên môn.

Thực hiện khai báo ngay khi phát hiện dấu hiệu bất thường và chấp hành biện pháp phòng dịch.

Phối hợp với cơ quan chuyên môn trong theo dõi, cập nhật, thông báo diễn biến tình hình dịch bệnh và tổng hợp tình hình thiệt hại, thu mẫu theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Trên đây là kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản năm 2026 trên địa bàn đặc khu Kiên Hải./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- TT. Đảng ủy (b/c);
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đặc khu;
- Các tổ địa bàn: Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn, Nam Du;
- Ban Nhân dân các ấp;
- Lưu: VT, PKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Lôi